

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH

LÊ HỮU TRÁC

(Trích *Thượng kinh kí sự*)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Cảm nhận được giá trị hiện thực sâu sắc của tác phẩm và nhân cách thanh cao của tác giả qua ngòi bút kí sự chân thực, sắc sảo về cuộc sống trong phủ chúa Trịnh.

TIỂU DẪN

Lê Hữu Trác (1724 – 1791) hiệu là Hải Thượng Lân Ông, người làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mĩ, tỉnh Hưng Yên). Ông là một danh y, không chỉ chữa bệnh mà còn soạn sách và mở trường dạy nghề thuốc để truyền bá y học. Phần lớn cuộc đời hoạt động y học và trước tác của ông gắn với quê ngoại ở xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Bộ *Hải Thượng y tông tâm linh* gồm 66 quyển, là công trình nghiên cứu y học xuất sắc nhất trong thời trung đại Việt Nam. Tác phẩm cũng ghi lại những cảm xúc chân thật của tác giả trong những lúc lặn lội đi chữa bệnh ở các miền quê, bộc lộ tâm huyết và đức độ của người thầy thuốc. Qua tác phẩm, có thể thấy Lê Hữu Trác còn là một nhà văn, nhà thơ với những đóng góp đáng ghi nhận cho văn học nước nhà.

Thượng kinh kí sự (Kí sự đến kinh đô) là tập kí sự bằng chữ Hán, hoàn thành năm 1783, được xếp ở cuối bộ *Hải Thượng y tông tâm linh* như một quyển phụ lục. Kí sự là một thể kí, ghi chép sự việc, câu chuyện có thật và tương đối hoàn chỉnh. *Thượng kinh kí sự* tả quang cảnh ở kinh đô, cuộc sống xa hoa trong phủ chúa Trịnh và quyền uy, thế lực của nhà chúa – những điều Lê Hữu Trác mắt thấy tai nghe trong chuyến đi từ Hương Sơn ra Thăng Long chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán và chúa Trịnh Sâm. Qua đó, người đọc thấy được thái độ coi thường danh lợi của tác giả. Tác phẩm kết thúc với việc Lê Hữu Trác được về lại quê nhà, trở về với cuộc sống tự do trong tâm trạng hân hoan, tiếp tục cống hiến đời mình cho y thuật.

Đoạn *Vào phủ chúa Trịnh* nói về việc Lê Hữu Trác lên tới kinh đô, được dẫn vào phủ chúa để bắt mạch, kê đơn cho Trịnh Cán.



Lê Hữu Trác
(*Nguyễn Tiến Chung vẽ*)

VĂN BẢN

Mồng 1 tháng 2. Sáng tinh mơ, tôi nghe tiếng gõ cửa rất gấp. Tôi chạy ra mở cửa. Thì ra một người đầy tớ quan Chánh đường⁽¹⁾ vừa nói vừa thở hổn hển :

– Có thánh chỉ⁽²⁾ triệu⁽³⁾ cụ vào ! Quan truyền mệnh⁽⁴⁾ hiện đang ở nhà cụ lớn con, con vâng lệnh chạy đến đây báo tin. Lính ở dinh đã đem cang đến đón cụ ở ngoài cửa. Xin cụ vào phủ chầu ngay.

Tôi bèn sửa sang áo mũ chỉnh tề, lên cang vào phủ. Tên đầy tớ chạy đàng trước hét đường. Cang chạy như ngựa lồng, tôi bị xóc một mẻ, khổ không nói hết. Chúng tôi đi cửa sau vào phủ. Người truyền mệnh dẫn tôi qua mấy lần cửa nứa, theo đường bên trái mà đi. Tôi ngẩng đầu lên : đâu đâu cũng là cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương. Những dây hành lang quanh co nối nhau liên tiếp. Người giữ cửa truyền báu rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi. Vệ sĩ canh giữ cửa cung, ai muốn ra vào phải có thẻ.

Tôi nghĩ bụng : Mình vốn con quan, sinh trưởng ở chốn phồn hoa, chỗ nào trong cấm thành mình cũng đã từng biết. Chỉ có những việc trong phủ chúa là mình chỉ mới nghe nói thôi. Bước chân đến đây mới hay cảnh giàu sang của vua chúa thực khác hẳn người thường ! Bèn ngâm một bài thơ để ghi nhớ việc này :

*Linh nghìn cửa vác đồng⁽⁵⁾ nghiêm nhặt,
Cả trời Nam sang nhất là đây !
Lầu tùng gác vẽ tung mây,
Rèm châu, hiên ngọc, bóng mai ánh vào.
Hoa cung thoảng ngọt ngào đua tới,
Vườn ngự nghe vẹt nói đồi phen.
Quê mùa, cung cấm chua quen,
Khác gì ngư phủ đào nguyên thuở nào⁽⁶⁾ !*

(1) *Quan Chánh đường* : chức quan coi tất cả các công việc ở phủ chúa ; ở đây chỉ Huy Quận công Hoàng Đình Bảo.

(2) *Thánh chỉ* : chỉ thị của vua ; ở đây dùng cho chúa Trịnh Sâm.

(3) *Triệu* : gọi (dùng cho người trên đối với người dưới).

(4) *Quan truyền mệnh* (hay *quan truyền chỉ*) : quan giữ việc truyền mệnh lệnh, chiếu chỉ của vua.

(5) *Vác đồng* (từ cổ) : chỉ giáo, mác – những binh khí thời xưa.

(6) *Ngư phủ* : người đánh cá. *Đào nguyên* : suối hoa đào, chỉ cảnh tiên. Cả câu lấy ý từ bài *Đào hoa nguyên kí* của Đào Tiềm, kể về việc một người đánh cá một hôm chèo thuyền đi ngược dòng suối bỗng lạc vào cảnh tiên huyền ảo, thơ mộng.

Đi được vài trăm bước, qua mấy lần cửa mới đến cái điểm⁽¹⁾ “Hậu mã quân túc trực”⁽²⁾. Điểm làm bên cái hồ, có những cái cây lè lùng và những hòn đá kì lạ. Trong điểm cột và bao lợn lợn vòng, kiểu cách thật là xinh đẹp. Quan Chánh đường mỗi khi ở triều ra thì nghỉ ở đấy. Thấy tôi, ông bảo quan truyền chỉ :

– Chiều qua, tôi đã tâu lên. Thánh thượng⁽³⁾ cho phép cụ vào để hầu mạch Đông cung thế tử⁽⁴⁾.

Ông cùng vào với quan truyền chỉ, bảo tôi đi theo cùng mấy người tiểu hoàng môn⁽⁵⁾. Đi bộ đến một cái cửa lớn, thị vệ, quân sĩ thấy tôi ăn mặc có vẻ lạ lùng, muốn giữ lại. Quan truyền chỉ nói :

– Có thánh chỉ triệu.

Họ bèn để cho tôi đi. Qua dãy hành lang phía tây, đến một cái nhà lớn thật là cao và rộng. Hai bên là hai cái kiệu để vua chúa đi. Đồ nghi trượng⁽⁶⁾ đều sơn son thếp vàng. Ở giữa đặt một cái sập thếp vàng. Trên sập mắc một cái võng điếu. Trước sập và hai bên, bày bàn ghế, những đồ đặc nhân gian chưa từng thấy. Tôi chỉ dám ngược mắt nhìn rồi lại cúi đầu đi. Lại qua một cửa nữa, đến một cái lầu cao và rộng. Ở đây, cột đều sơn son thếp vàng. Tôi hỏi nhỏ quan truyền chỉ, ông ta nói :

– Ta vừa đi qua nhà “Đại đường”. Nhà ấy gọi là “Quyển bồng”, cái gác này gọi là “Gác tía”. Vì thế tử “dùng trà” ở đây, cho nên gọi nó là “phòng trà”. (Số là ở đây kiêng danh từ “thuốc” nên gọi thuốc là “trà”).

Bấy giờ trong “phòng trà” có bảy, tám người. Thấy quan Chánh đường đến, tất cả đều đứng dậy. Quan Chánh đường ngồi ghế trên. Mọi người ngồi theo thứ tự. Quan Chánh đường bảo tôi ngồi vào giữa. Lúc đầu tôi không hiểu, sau mới biết đó là các vị lương y của sáu cung, hai viện được dự vào việc hầu trà, ngày đêm chầu chực ở đấy. Thấy tôi, họ đều nhìn nhau. Có người cúi xuống hỏi nhỏ. Quan Chánh đường cười :

– Cụ này là con ông Liêu Xá ở Đường Hào vào ngũ cư trong Hương Sơn, làm thuốc hay có tiếng, nay vâng thánh chỉ vào kinh.

Bấy giờ có người chít khăn lượt tàu, cười và bảo tôi :

(1) Điểm : trạm, nơi để nghỉ chân hoặc chờ đợi.

(2) “Hậu mã quân túc trực” : tên trạm, nghĩa là “Nơi quân Hậu mã chờ sẵn (để chúa sai phái)”.

(3) Thánh thượng : từ dùng để chỉ nhà vua ; ở đây chỉ chúa Trịnh Sâm.

(4) Đông cung thế tử : con trai của chúa đã được chọn để nối ngôi ; ở đây chỉ Trịnh Cán, con thứ của Trịnh Sâm.

(5) Tiểu hoàng môn : quan hoạn hầu hạ nơi cung cấm.

(6) Đồ nghi trượng : đồ dùng của vua chúa theo nghi thức do triều đình đặt ra.

- Cụ có biết tôi không ?
- Tôi là kẻ ở nơi quê mùa, làm sao biết được các vị ở nơi triều đình đông đúc như thế này ?
- Tôi là người An Việt, huyện La Sơn, ở nhà, tôi vẫn nghe tiếng cụ như sấm động bên tai, nhưng chưa hề được gặp.

Bấy giờ tôi mới biết ông ta làm giáo quan ở An Việt, tên là Chức, được ông Nguyễn Kiêm người Tiên Điền làm Thự trấn đề cử làm thầy thuốc chầu chục ở đây. Sau đó, lại được làm thuốc ở bộ Bin, giữ chức Tham đồng. Tôi nói :

- Chỗ ở của tôi không xa chỗ ở của ngài bao nhiêu. Tôi mấy lần muốn đến thăm nhưng phiền một nỗi là không có dịp.

Đang dở câu chuyện thì quan truyền mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh đường. Quan Chánh đường đứng dậy, bảo tôi :

- Ta hãy vào ăn cơm sáng một lát đã.

Tôi theo ông, đi theo con đường cũ trở về điểm "Hậu mã". Ông nói :

- Thánh thượng đang ngự ở đấy, xung quanh có phi tần chầu chục, nên chưa thể yết kiến. Ta hãy tạm ra ngoài.

Ông san mâm cơm cho tôi ăn. Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn là của ngon vật lạ, tôi bấy giờ mới biết cái phong vị của nhà đại gia. Ăn xong, thấy một viên quan hầu cận chạy lại mời quan Chánh đường vào và bảo tôi đi theo. Đột nhiên, thấy ông ta mở một chỗ trong màn gấm rồi bước vào. Ở trong tối om, không thấy có cửa ngõ gì cả. Đi qua độ năm, sáu lần trường gấm như vậy, đến một cái phòng rộng, ở giữa phòng có một cái sập thấp vàng. Một người ngồi trên sập độ năm, sáu tuổi, mặc áo lụa đỏ. Có mấy người đứng hầu hai bên. Giữa phòng là một cây nến to cắm trên một cái giá bằng đồng. Bên sập đặt một cái ghế rồng son son thấp vàng, trên ghế bày nệm gấm. Một cái màn là che ngang sân. Ở trong có mấy người cung nhân đang đứng xúm xít. Đèn sáp chiếu sáng, làm nổi màu mặt phấn và màu áo đỏ. Xung quanh lấp lánh, hương hoa ngào ngạt. Xem chừng Thánh thượng thường thường vẫn ngồi trên ghế rồng này, nay người rút lui vào màn để tôi xem mạch Đông cung cho thật kĩ.

Tôi nín thở đứng chờ ở xa. Quan Chánh đường truyền lệnh cho tôi lạy bốn lạy. Thế tử cười :

- Ông này lạy khéo !

Quan Chánh đường lại truyền mệnh :

- Cụ già yếu, cho phép cụ ngồi hầu mạch.

Tôi khum núm đến trước sập xem mạch. Xem xong, nghe trong màn có tiếng nói nhỏ :

– Cho ông ta xem cả thân hình nũa !

Một viên quan nội thần⁽¹⁾ đứng chầu đến bên sập xin phép thế tử. Thế tử đứng dậy, cởi áo, đứng bên giường cho tôi xem. Tôi xem kĩ tất cả lưng, bụng và chân tay một lượt. Quan Chánh đường lại truyền mệnh bảo tôi lạy tạ rồi đi ra. Tôi đứng dậy lạy bốn lạy. Thấy quan Chánh đường bảo một tiểu hoàng môn đưa tôi ra “phòng trà” ngồi. Một lát sau, ông đến hỏi :

– Cụ xem mạch như thế nào ? Nên dùng thứ thuốc gì thì cụ cứ viết một tờ trình lên.

Rồi ông lại tiếp :

– Bệnh đã nửa năm nay. Trước kia gầy lấm, nay đã hoi có da, có thịt, bẩn chất yếu, bệnh đã lâu mà không bổ được, vì dùng dương dược⁽²⁾ thì nóng, mà dùng âm dược⁽³⁾ thì trệ⁽⁴⁾. Có khi phải dùng những vị phát tán⁽⁵⁾ mới xong !

Ông bảo quan Tả viện đem những thứ đơn thuốc đang dùng đến cho tôi xem. Nguyên khi ông đề cử tôi và nói mấy câu này là cũng có ý muốn tôi biết chừng. Ông cũng có biết thuốc, tuy kiến thức về thuốc chưa sâu, nhưng hễ bàn đến thuốc là cứ muốn dùng thứ thuốc công phạt. Ông thường nói : “Có bệnh thì trước hết là phải đuổi bệnh. Khi đã đuổi cái tà đi rồi hãy bổ, thì mới là cái phép đúng đắn nhất”. Nhưng theo ý tôi, đó là vì thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi. Vả lại, bệnh mắc đã lâu, tinh khí khô hết, da mặt khô, rốn lồi to, gan thời xanh, tay chân gầy gò. Đó là vì nguyên khí đã hao mòn, thương tổn quá mức. Nếu chỉ lo dùng thứ thuốc công phạt khắc bá⁽⁶⁾ mà không biết rằng nguyên khí càng hao mòn dần thì chỉ làm cho người thêm yếu. Bệnh thế này không bổ thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được nữa. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hoà hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ : Cha ông mình đời đời chịu ơn của nước, ta phải dốc hết cả lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được. Nghĩ đi nghĩ lại một hồi, tôi mới nói :

(1) *Nội thần* : quan hầu trong cung.

(2) *Dương dược* : thuốc có tính nóng.

(3) *Âm dược* : thuốc có tính mát, lạnh.

(4) *Trệ* : ngưng đọng, không lưu thông được.

(5) *Phát tán* : thuốc uống vào làm cho đổ mồ hôi.

(6) *Thuốc công phạt khắc bá* : thuốc trị bệnh công hiệu mạnh song lại làm thương tổn cơ thể.

– Tôi thấy thánh thể gầy, mạch lại tế, sác⁽¹⁾. Thế là âm dương đều bị tổn hại, nay phải dùng thuốc thật bổ để bồi dưỡng tì và thận, cốt giữ cái căn bản tiên thiên⁽²⁾ và làm nguồn gốc cho cái hậu thiên⁽³⁾. Chính khí ở trong mà thắng thì bệnh ở ngoài sẽ tự nó tiêu dần, không trị bệnh mà bệnh sẽ mất.

Ông tỏ ý kiến nói đi nói lại mấy lần, nhưng tôi vẫn cứ giải thích mãi. Ông nói :

– Cụ đã có chủ ý như thế thì cụ cứ viết ra thành phương thuốc để dâng lên.

Tôi vâng lệnh viết tờ khai rằng :

"Chỗ mạch, thấy sáu mạch tế, sác và vô lực, hữu quan yếu, hữu xích lại càng yếu hơn. Ấy là tì âm hư, vị hoả quá thịnh, không giữ được khí dương, nên âm hoả đi càn. Vì vậy, bên ngoài thấy cổ trướng, đó là tượng trung ngoài thì phù, bên trong thì trống. Nên bổ tì thổ thì yên. Nay phỏng dùng : bạch truật (một lạng), thực địa (ba đồng), can khuong (hai đồng), ngũ vị (một đồng). Sắc cho đặc, mỗi một lần uống một thìa trà điếu với nước sâm sắc đặc. Uống khi lung bụng."

Tiểu thần Lê Hữu Trác phụng kêt."

Tôi viết xong đưa lên. Ông nhìn kĩ một hồi, xem có ý ngại. Các thầy lang ngồi đây cũng muốn xem. Ông không cho, đút giấy vào túi áo, cười :

– Phương thuốc và lập luận của cụ khác chúng ta nhiều.

Ông bảo một nội thần mang tờ giấy vào. Một lát sau, ông đứng dậy bảo tôi đi theo, trở về điểm "Hậu mã". Uống trà một lát, ông nói với tôi :

– Cụ đi xa xôi vất vả, giờ hãy tạm về nghỉ. Có bà con bạn bè mời mọc cũng không được đi đâu. Để chờ thánh chỉ xem như thế nào.

Tôi từ giã, lên cáng về dinh Trung Kiên. Trong vòng mười ngày, bạn bè trong kinh đều đến thăm hỏi, thường tình như thế.

(Theo LÊ HỮU TRÁC, *Thượng kinh kí sự*,
bản dịch của PHAN VŨ, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

(1) *Mạch tế, sác* : mạch nhỏ, đậm nhanh.

(2) *Tiên thiên* : thể chất bẩm sinh.

(3) *Hậu thiên* : thể chất do sự nuôi dưỡng và rèn luyện về sau mà nêu.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

- Quang cảnh trong phủ chúa được miêu tả như thế nào ? Cung cách sinh hoạt trong phủ chúa ra sao ? Những quan sát, ghi nhận này nói lên cách nhìn, thái độ của Lê Hữu Trác đối với cuộc sống nơi phủ chúa như thế nào ?
- Phân tích những chi tiết trong đoạn trích mà anh (chị) cho là “đắt”, có tác dụng làm nổi bật giá trị hiện thực của tác phẩm.
- Cách chẩn đoán và chữa bệnh của Lê Hữu Trác cùng những diễn biến tâm tư của ông khi kê đơn cho ta hiểu gì về người thầy thuốc này ?
- Theo anh (chị), bút pháp kí sự của tác giả có gì đặc sắc ? Phân tích những nét đặc sắc đó.

GHI NHỚ

Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* mang giá trị hiện thực sâu sắc. Bằng tài quan sát tinh tế và ngòi bút ghi chép chi tiết, chân thực, sắc sảo, tác giả đã vẽ lại một bức tranh sinh động về cuộc sống xa hoa, quyền quý của chúa Trịnh, đồng thời cũng bộc lộ thái độ coi thường danh lợi.

LUYỆN TẬP

So sánh đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* với một tác phẩm (hoặc đoạn trích) khác của văn học trung đại Việt Nam mà anh (chị) đã đọc và nêu nhận xét về nét đặc sắc của đoạn trích này.